TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Minh Suốt;

2. Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà*: Ông Đặng Văn Tài* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1985(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

Con chung trên 7 tuổi:

- Em Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại pH tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh D tổ chức cưới vào khoảng tháng 10/2005, đến ngày 02/3/2006 thì mới đăng ký kết hôn UBND xã H, huyện M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp nhau, ông D không lo cho gia đình con cái mà thường hay đi uống rượu về kiếm chuyện dùng những lời lẽ xúc phạm bà vô cớ, có khi còn đánh bà từ đó nên đời sống hôn nhân mất dần hạnh phúc. Nay bà xác định cuộc sống hôn nhân kéo dài cũng không mang đến hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh D .

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông D có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006 và Nguyễn Phạm Trung Nguyên, sinh ngày 07/4/2013, trước đây thì sống chung cùng vợ chồng, sau khi bà gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì ông D đã dẫn bé Nguyễn Phạm Trung Nguyên, sinh ngày 07/4/2013 về bên gia đình ông D sống, còn bé Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006 hiện đang sống chung với bà H . Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh D tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2019 ông trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Ngọc H tổ chức cưới vào khoảng tháng 10/2005, đến ngày 02/3/2006 thì đăng ký kết hôn UBND xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Nay ông còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006 và Nguyễn Phạm T, sinh ngày 07/4/2013, hiện đang sống chung với hai vợ chồng. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với em Nguyễn Thị Thảo T tại tờ tường trình ngày 30/10/2019 em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn không còn chung sống cùng nhau thì em có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Phạm Thị Ngọc H.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; phía bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên tòa xét xử, ông D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông

vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Anh D .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Anh D . Về con chung: tiếp tục giao cho ông Nguyễn Anh D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phạm Trung Nguyên, sinh ngày 07/4/2013 đến trưởng thành; tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006 cho bà Phạm Thị Ngọc H nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng ông Nguyễn Anh D và bà Phạm Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh D đã được triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông D vẫn vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Anh D cưới nhau năm 2005, ông D, bà H tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 511/2006 ngày 02/3/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Anh D và bà Phạm Thị Ngọc H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà H, ông D sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng ông D thường hay kiếm chuyện cùng bà vô cớ đồng thời có những lời lẽ xúc phạm bà thậm chí ông D còn dùng bạo lực đối với bà mặc dù bà H cố gắng chịu đựng để duy trì cuộc sống hôn nhân để cùng ông D lo cho gia đình cho con cái có cuộc sống đầy đủ nhưng không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến bà H không thể sống chung cùng ông D được nữa, từ đó bà H đã về nhà cha mẹ bà sống kể từ khi bà gửi đơn xin ly hôn cùng ông D cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông D đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân đã lâu nhưng ông bà không thể hàn gắn được, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc H.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Anh D có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 22/7/2006 và Nguyễn Phạm T, sinh ngày 07/4/2013, hiện nay cháu Nguyễn Phạm Trung Nguyên, đang sống cùng ông D, còn cháu Nguyễn Thị Thảo T, hiện đang sống cùng

với bà H. Tại phiên tòa bà H có nguyện vọng được nuôi con đến trưởng thành không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Phạm Trung Nguyên hiện nay đang sống cùng ông Nguyễn Anh D và cháu Nguyễn Thị Thảo T hiện nay đang sống cùng bà Phạm Thị Ngọc H, tại phiên bà H có nguyên vọng được nuôi cả hai con chung đồng thời cháu Nguyễn Thị Thảo T cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Tuy nhiên cháu Nguyên Phạm Trung Nguyên hiện nay đang sống cùng ông Nguyễn Anh D cho nên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để ổn định tránh cuộc sống hiện tại của cháu Nguyễn Thị Thảo T và cháu Nguyễn Phạm Trung Nguyên bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của các cháu nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Phạm Trung Nguyên cho ông Nguyễn Anh D được quyền tiếp tục nuôi con đến trưởng thành và tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thảo T cho bà Phạm Thị Ngọc H nuôi đến trưởng thành

[5] Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Anh D và bà Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Anh D .

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày 22/7/2006 đến trưởng thành; tiếp tục giao ông Nguyễn Anh D được quyền nuôi dưỡng con tên Nguyễn Phạm T, sinh ngày 07/4/2013 đến trưởng thành, ông D, bà H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Ngọc H và ông Nguyễn Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009123 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà H đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiện